

VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1969 - 1975

TS HỒ XUÂN QUANG
TS NGUYỄN ĐOÀN THUẬN
Trường Đại học Quy Nhơn

Từ ngày 6 đến ngày 8-6-1969, Đại hội đại biểu Quốc dân miền Nam, nòng cốt là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam Việt Nam đã họp và quyết định thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam¹. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời là cơ quan quyền lực cao nhất đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân miền Nam, có nhiệm vụ điều hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi cuối cùng.

Ngay sau khi thành lập, ngày 10-6-1969, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (gọi tắt là Chính phủ) đã họp phiên đầu tiên, đề ra chương trình hành động gồm các chính sách lớn về đối nội, đối ngoại như: chính sách nhằm đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước; chính sách hoà hợp dân tộc; khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, đảm bảo các quyền tự do, dân chủ trong đó chính sách về ruộng đất, thực hiện “người cày có ruộng” được quan tâm đặc biệt. Chính phủ với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận) phối hợp chặt chẽ với nhau trong mọi hoạt động tổ chức, quản lý vùng giải phóng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao.

Trong suốt những năm Chính phủ đã thể hiện nổi bật những vai trò chủ yếu sau:

Một là, Chính phủ là cơ quan quyền lực tập trung cao nhất trực tiếp điều hành, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam đến thắng lợi cuối cùng.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, ngày 20-4-1968, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình ra đời (gọi tắt là Liên minh) đã tập hợp đoàn kết các giới sinh viên, học sinh, trí thức, tôn giáo, nhân sĩ dân chủ tại các thành thị miền Nam, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tổ chức đấu tranh trong và ngoài nước, góp phần động viên, thúc đẩy hoạt động yêu nước ở miền Nam. Cùng lúc đó hàng loạt UBND cách mạng ở địa phương được thành lập. Như vậy, nếu trước đó Mặt trận có lực lượng chủ yếu là ở vùng rừng núi, nông thôn,

đồng bằng, thì từ tháng 4-1968 với sự ra đời của Liên minh, Mặt trận đã có thêm người bạn đồng hành ở các đô thị, đặc biệt là ở các đô thị lớn. Vì vậy, điều này đã tạo cơ sở thực tế cho sự ra đời của chính quyền cách mạng cấp cao nhất (cấp Trung ương), trong đó Chính phủ là người đại diện cho các tổ chức, lực lượng chính trị của một quốc gia trong cuộc đấu tranh lật đổ chính quyền phân cách mạng do đế quốc lập ra. Trên cơ sở thế và lực của cuộc cách mạng đã được xây dựng và phát triển, hệ thống chính quyền cách mạng ở cấp cơ sở ra đời, xác lập trên thực tế ở miền Nam 2 chính quyền song song tồn tại, từ đó tất yếu đưa đến sự ra đời một Chính phủ Trung ương làm đối trọng với chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Như vậy, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn ác liệt nhất thì Mặt trận không thể đảm nhận vai trò và hoạt động của một chính quyền nhà nước. Chính phủ ra đời đã đứng ra thống nhất các lực lượng gồm Mặt trận, Liên minh và các lực lượng yêu nước khác ở miền Nam và trở thành cơ quan quyền lực tập trung cao nhất trực tiếp điều hành, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam.

Chính phủ ra đời là đại diện chân chính, hợp pháp nhất của nhân dân miền Nam trong việc tập hợp lực lượng, góp phần tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân 2 miền Nam, Bắc, sự ủng hộ của quốc tế, tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh bại kẻ thù. Trên cơ sở đường lối chiến lược cách mạng của Đảng, Chính phủ đã đề ra những sách lược cụ thể phù hợp với điều kiện lịch sử mới ở miền Nam.

Chính phủ đã thực hiện chính sách nhằm xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng cách mạng cơ sở. Đến đầu năm 1971, nhân dân miền Nam đã giành được quyền làm chủ thêm 3.600 ấp với 3 triệu dân, Ban đại

diện của Chính phủ đã được thành lập ở 4 miền: Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, UBND cách mạng được thành lập ở tất cả 44 tỉnh, 6 thành phố, 182 huyện và trên 1.500 xã².

Chính phủ thường xuyên tiến hành cải tổ bộ máy tổ chức, kiểm tra giám sát các hoạt động ở cấp cơ sở đảm bảo cho mọi hoạt động được tiến hành suôn sẻ, nắm bắt kịp thời mọi chủ trương, đường lối của Đảng; đảm bảo sự thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, không để xảy ra tình trạng chia rẽ trong nội bộ. Chính phủ thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt công dân để quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, làm cho khối đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc, nâng cao hiệu quả chiến đấu, không để cho chính quyền Sài Gòn có cơ hội chiếm đất, giành dân với ta.

Ngoài ra, theo chủ trương của Đảng, Chính phủ đã tiến hành nhiều biện pháp để khôi phục và phát triển kinh tế, chăm lo xây dựng vùng giải phóng như những chính sách cải cách dân chủ, đặc biệt là chính sách ruộng đất. Với khẩu hiệu “người cày có ruộng”, nhiều nơi, nông dân miền Nam đã có đất để sản xuất nông nghiệp, phát triển thủ công nghiệp. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế luôn được quan tâm và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Chính phủ ra đời đã cùng với Mặt trận trực tiếp tổ chức lãnh đạo, động viên nhân dân miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những thắng lợi liên tiếp về chính trị và quân sự của quân dân miền Nam đã đẩy quân viễn chinh Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa vào thế bị động, bẻ tắc về chiến lược, chiến thuật, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

Những thắng lợi bước đầu quan trọng về mọi mặt đã mở ra cho cách mạng miền Nam một cục

diện mới vô cùng thuận lợi cho việc hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Hai là, Chính phủ là đại diện chân chính của nhân dân miền Nam trên bàn đàm phán ngoại giao, góp phần vào thắng lợi chung của Hội nghị Pari.

Không chỉ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đối nội, Chính phủ còn góp phần làm nên những thắng lợi về ngoại giao, từng bước buộc đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải ký Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Tiếp tục kiên trì quan điểm của Mặt trận trong đàm phán ở Pari, tại phiên họp ngày 10-9-1969, đại diện của Chính phủ công bố: “Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về Việt Nam nay trở thành Đoàn đại biểu của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam...”. Việc Đoàn đại biểu của Chính phủ chính thức thay thế Mặt trận trên bàn đàm phán thực sự thể hiện tính pháp lý của đại diện

cách mạng miền Nam, tăng thêm sức mạnh trên diễn đàn ngoại giao cho Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari.

Tham gia đàm phán tại Hội nghị Pari, Chính phủ luôn thể hiện lập trường độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình và toàn vẹn lãnh thổ, đưa ra những sách lược khôn khéo về ngoại giao. Dựa trên giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận, ngày 17-9-1970, Chính phủ đã đưa ra “Giải pháp 8 điểm”: Mỹ phải rút hết quân không điều

kiện ra khỏi miền Nam và vấn đề thành lập Chính phủ Liên hiệp lâm thời ba thành phần ở miền Nam Việt Nam.

Trên cơ sở những thắng lợi về quân sự, chính trị của cách mạng miền Nam, Đoàn đại biểu của Chính phủ đã tiếp tục đưa ra những đòn tấn công về ngoại giao. Ngày 1-7-1971, Kế hoạch hòa bình 7 điểm đã được đưa ra, đề cập đến 2 vấn đề then chốt: “thành lập Chính phủ Liên hiệp có sự hòa hợp dân tộc rộng rãi; vấn đề lực lượng vũ trang ở miền Nam sẽ do các bên Việt Nam cùng

nhau giải quyết, Mỹ không cần đề ý đến vấn đề này”. Giải pháp 7 điểm đã được nhân dân trong nước và thế giới nhiệt tình hoan nghênh, ủng hộ.

Sau thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân miền Nam, phái đoàn của Chính phủ và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục đấu tranh trên bàn đàm phán, tập trung vào yêu cầu cơ bản là đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút quân khỏi miền Nam. Ngày 8-10-1972, Chính phủ đưa ra bản dự

thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Ngày 22-10-1972, văn bản hiệp định được hoàn thành và được Mỹ chấp nhận để thảo luận, kể cả lịch trình ký kết hiệp định. Tuy nhiên, sau đó phía Mỹ tìm cách trì hoãn và chờ thực hiện mưu toan mới.

Quá trình đấu tranh trên bàn ngoại giao ngày càng gay go, quyết liệt không thua kém gì trên chiến trường, lập trường 2 bên đối lập nhau hoàn toàn. Nhưng trải qua 202 phiên họp chung và

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đóng vai trò như một cơ quan điều hành cuộc kháng chiến, đại diện chân chính của nhân dân miền Nam trong đấu tranh ngoại giao, tranh thủ được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân toàn thế giới, góp phần to lớn vào công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng, với việc kiên trì lập trường độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, cùng với việc nắm bắt kịp thời tình hình chiến trường mà Chính phủ đã đưa ra những chính sách ngoại giao hợp lý, buộc Mỹ phải đi đến ký Hiệp định Pari ngày 27-1-1973.

Hiệp định Pari được ký kết là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường của quân và dân ta trên tất cả các mặt trận, trong đó có đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán. Đây là một quá trình lâu dài, vô cùng gian khổ, có lúc tưởng chừng như bế tắc. Nhưng với đường lối ngoại giao đúng đắn, linh hoạt, mềm dẻo, Chính phủ cùng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã từng bước buộc đối phương phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận các điều kiện đàm phán do phía ta đưa ra, nhanh chóng thúc đẩy việc ký kết Hiệp định Pari, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Thắng lợi rực rỡ ở Hội nghị Pari một lần nữa khẳng định được vững chắc uy tín của Chính phủ trên trường quốc tế.

Ba là, hoạt động đối ngoại của Chính phủ đã tranh thủ được sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Phối hợp với cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán, Chính phủ đã ra sức tăng cường các hoạt động quốc tế, cử nhiều đoàn đại biểu đi thăm hữu nghị nhiều nước, đặc biệt là các nước trên bán đảo Đông Dương và trong hệ thống XHCN nhằm chống lại âm mưu của đế quốc Mỹ cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Chính phủ đặc biệt chú ý đến việc xây dựng liên minh chiến đấu Việt Nam, Lào, Campuchia. Tại Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương (từ ngày 24 đến ngày 25-4-1970), đoàn đại biểu của Chính phủ do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ dẫn đầu đã bày tỏ quyết tâm đoàn kết với nhân Lào và Campuchia đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ

đến thắng lợi cuối cùng. Những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong những năm 1970-1971 ở chiến trường Đông Dương đã thể hiện sinh động về chính sách ngoại giao đoàn kết liên minh chiến đấu với Lào và Campuchia của Chính phủ.

Trong khi đế quốc Mỹ thực hiện chính sách ngoại giao khôn khéo nhằm chia rẽ các nước XHCN, mối quan hệ giữa Chính phủ với các nước XHCN vẫn được tăng cường. Các nước lớn trong phe XHCN tiếp tục ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Ngày 28-1-1970, Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố ủng hộ Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương. Tiếp đó, ngày 8-4-1971, Đại hội lần thứ 24 Đảng Cộng sản Liên Xô đã ra lời kêu gọi tự do, hòa bình cho nhân dân Đông Dương. Ngày 26-10-1972, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô họp và quyết định ủng hộ thái độ, lập trường của Việt Nam, gửi thông điệp đến đại diện của Việt Nam ở Mátxcova. Ngày 26-10-1972, phái đoàn ngoại giao Việt Nam sang thăm Trung Quốc thông báo nội dung dự thảo Hiệp định Pari, phía Trung Quốc hoàn toàn tán đồng quan điểm của Việt Nam, quyết định ủng hộ thái độ, lập trường của phái đoàn Chính phủ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong khi Mỹ leo thang chiến tranh, điên cuồng đánh phá miền Bắc, viện trợ quân sự của Liên Xô, Trung Quốc không những không giảm mà còn gia tăng⁵. Sự giúp đỡ của các nước XHCN là thế dựa vững chắc của ta về chính trị trên phạm vi quốc tế, là hậu thuẫn giúp ta tranh thủ thêm sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, là thuận lợi rất lớn để ta tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đồng thời là nhân tố góp phần giúp cách mạng Việt Nam đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Ngoài ra, Chính phủ tiếp tục các chuyến thăm hữu nghị các nước châu Á và đã nhận

được rất nhiều sự giúp đỡ, đặc biệt là sự giúp đỡ của Ấn Độ⁶.

Bên cạnh đó, Chính phủ còn luôn tranh thủ sự ủng hộ của các đảng cộng sản, các tổ chức, nhân dân yêu chuộng hòa bình từ các nước TBCN. Tại Pháp, trong giai đoạn 1968-1973, Đảng Cộng sản Pháp đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho các phái đoàn của ta làm việc và hoạt động. Bà Nguyễn Thị Bình, Trưởng đoàn Đoàn đàm phán của Chính phủ tại Hội nghị Pari ghi nhận: “Chúng ta còn được sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp, các đồng chí đã giúp đỡ hết lòng cả vật chất lẫn tinh thần, phái nhiều đồng chí đến giúp cả 2 phái đoàn của ta từ việc bảo vệ, lái xe đến nhiều tạp dịch khác”⁷. Đảng Cộng sản Pháp đã giúp các phái đoàn của Chính phủ gỡ gỡ các tổ chức chính trị, quân chúng tại Pháp và một số nước châu Âu, tổ chức các cuộc họp báo qua đó khẳng định lập trường đúng đắn, chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, vạch trần tội ác của Mỹ gây ra cho Việt Nam. Tại Anh, tháng 10-1972, đoàn đại biểu của Chính phủ đã tham gia cuộc mít tinh lớn tại Birmingham (Bơcminham), và sau đó đã được Đảng Cộng sản Anh tạo điều kiện tiếp xúc với Công đảng Anh, qua đó nhiều thành viên Công đảng đã hiểu được sự đại diện hợp pháp cũng như lập trường đúng đắn của Chính phủ trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân ta. Tại Italia, Đảng Cộng sản đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh giới thiệu về Chính phủ và tính pháp lý của Chính phủ. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, Italia vẫn tiếp tục ủng hộ Việt Nam...

Bên cạnh việc tăng cường các quan hệ song phương, Chính phủ cử nhiều đoàn đại biểu tham gia các diễn đàn hội nghị quốc tế để xây dựng khối đoàn kết ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam. Thông qua các hội nghị quốc tế, các phái đoàn

của Chính phủ ta đã sử dụng diễn đàn để tố cáo chiến tranh xâm lược của Mỹ, chính quyền Sài Gòn, làm sáng tỏ hơn nữa chủ trương, đường lối cho nhân dân thế giới biết được thiện chí hòa bình của Việt Nam.

Từ ngày 8 đến ngày 12-8-1972, tại Hội nghị Bộ trưởng các nước Không liên kết họp tại Georgetown (thủ đô nước Guyana), Chính phủ đã được công nhận là thành viên chính thức của khối Không liên kết. Tại Hội nghị này, Bộ ngoại giao các nước không liên kết đã nhất trí thông qua nghị quyết lên án Mỹ, đòi Mỹ phải đáp ứng đề nghị hòa bình mà phía Việt Nam đưa ra ở Hội nghị Pari. Đây là kết quả đạt được rất lớn trong quá trình đấu tranh ngoại giao tranh thủ sự ủng hộ của thế giới.

Tất cả kết quả trên đều minh chứng rõ nét cho vai trò của Chính phủ trên lĩnh vực đối ngoại nhà nước. Với quan điểm, lập trường, đường lối ngoại giao đúng đắn, sáng tạo, hợp tình hợp lý, Chính phủ đã tiến hành thành công các chuyến thăm ngoại giao và đã tranh thủ được sự ủng hộ cả về vật chất và tinh thần của các nước trên thế giới. Qua đó đã cho nhân dân thế giới thấy rõ thái độ ngoan cố, bản chất xấu xa của đế quốc Mỹ và tay sai, làm nổi bật tính chất chính nghĩa của Chính phủ và nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Bốn là, sự ra đời và hoạt động của Chính phủ tạo cơ sở, tiền đề cho quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Miền Nam giải phóng, Chính phủ tiếp tục tiếp quản miền Nam và tiến hành xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế, văn hóa... ở vùng giải phóng.

Ngày 1-4-1975, Chính phủ đã ra công bố chính sách 10 điểm đối với vùng mới giải phóng và 10 điều kỷ luật của cán bộ, nhân viên vùng mới giải phóng, đồng thời nhanh chóng thành

lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng. Qua đó, một hệ thống chính quyền cách mạng từ trung ương đến các cấp cơ sở ở tỉnh, huyện, xã được hình thành và giữ nguyên quyền kiểm soát toàn bộ miền Nam. Các đoàn thể quần chúng cách mạng cũng được thành lập và phát triển. Ở những nơi đã có các đoàn thể hoạt động bí mật nay đều ra hoạt động công khai, ở những nơi chưa có cơ sở cách mạng đồng bào cũng nỗ lực gia nhập các đoàn thể, hăng hái tham gia xây dựng, tổ chức cuộc sống mới.

Chính quyền cách mạng các cấp và các đoàn thể quần chúng dưới sự chỉ đạo và điều hành của Chính phủ thực hiện những biện pháp nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, xã hội, giữ vững và phát huy những thành quả vừa đạt được. Để từng bước đưa miền Nam phát triển, Chính phủ còn thực hiện hàng loạt các biện pháp nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội cũng được tiến hành khẩn trương ngay từ những ngày đầu mới giải phóng.

Những hoạt động trên một mặt nhằm ổn định tình hình, khắc phục hậu quả chiến tranh sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, mặt khác các kết quả đạt được dù chỉ là bước đầu nhưng là tiền đề cơ bản để nhân dân miền Nam có thể yên tâm, tin tưởng vào chế độ mới và là cơ sở để thực hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước được nhanh chóng, thuận lợi hơn.

Cùng với việc xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng cơ sở kinh tế, văn hóa..., Chính phủ còn tham gia trực tiếp vào quá trình hiệp thương thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Sau chiến thắng lịch sử ngày 30-4-1975, về mặt lãnh thổ trên thực tế đã được thống nhất song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau. Từ thực tế đó, sau khi

miền Nam được giải phóng một trong những nguyện vọng thiết tha trước mắt là có một chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực chung cho nhân dân cả nước. Đáp ứng nguyện vọng đó của nhân dân cả nước, đồng thời phù hợp với chiều hướng phát triển của lịch sử, HNTƯ 24 khoá III (9-1975) của Đảng đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước.

Trên cơ sở đó, ngày 5, 6-11-1975, Chính phủ đã cùng với Ủy ban Trung ương Mặt trận, Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Hội đồng cố vấn Chính phủ cùng đại diện các nhân sĩ, trí thức yêu nước, dân chủ mở Hội nghị liên tịch tại Sài Gòn. Hội nghị tiến hành thảo luận, đề xuất các nguyên tắc, biện pháp tiến tới hiệp thương tổng tuyển cử 2 miền Nam-Bắc. Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên cả nước thành công. Đây là sự kiện có ý nghĩa quyết định trên con đường hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Như vậy, Chính phủ đã tham gia trực tiếp vào quá trình hiệp thương tổng tuyển cử, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, đưa cả nước đi lên CNXH.

Trong giai đoạn 1969-1975, Chính phủ đã hoàn thành các nhiệm vụ của một chính quyền nhà nước, gương cao ngọn cờ đại nghĩa, đoàn kết các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh kiên cường, bất khuất vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, vì hòa bình, thống nhất đất nước. Sự ra đời, tồn tại và hoạt động của Chính phủ đã để lại những bài học có giá trị, đó là: sự đoàn kết thống nhất các lực lượng yêu nước; xây dựng chính quyền phải gắn liền với củng cố chính quyền cách mạng;

quán triệt đường lối và sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng; đề ra và thực thi những chính sách phù hợp với yêu cầu thực tiễn và những tình huống phong phú của cách mạng; đoàn kết quốc tế để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại... Sự ra đời và hoạt động của Chính phủ còn thể hiện sinh động sự kế thừa và phát triển quan điểm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Mặt trận Việt Minh đến Quốc dân đại hội và chính thể Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cuộc vận động giải phóng dân tộc đưa đến thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Sự ra đời và hoạt động của Chính phủ thật sự đã tô đậm và làm phong phú lịch sử Chính phủ quốc gia và Nhà nước cách mạng Việt Nam.

1. Chính phủ Cách mạng lâm thời gồm Hội đồng Chính phủ (Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát và các Phó chủ tịch, Bộ trưởng các bộ trong Chính phủ) và Hội đồng cố vấn Chính phủ (Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, 1 Phó Chủ tịch và các ủy viên). Các Ban đại diện của Chính phủ cũng được thành lập ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ. Ở các địa phương trên toàn miền Nam thành lập các HĐND cách mạng và UBND cách mạng ở cấp tỉnh, quận hay huyện và xã. Đây là những cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan chấp hành, thừa hành thực hiện chức năng hành chính ở địa phương. Ngoài ra, Chính phủ còn có các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài

2 Xem Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H, 2008, T. 3, tr. 234

3, 4. Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiến: *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (1960-1977)*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2010, tr. 174, 176

5. Viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc cho Việt Nam năm 1972 tăng gấp đôi năm 1971; ngày 14-4-1975, Hội đồng Trung ương công đoàn Liên Xô đã viện trợ khẩn cấp, bổ sung cho Việt Nam các thiết bị y tế, thuốc men trị giá 500 triệu Rúp

6. Tại Cancúta đã diễn ra nhiều cuộc mít tinh, biểu tình lớn đoàn kết với Việt Nam (chỉ trong một tuần nhân dân Cancúta đã quyên góp 138.111 Rupi, nhiều đơn vị máu, dụng cụ y tế cho Việt Nam). Tại Đêli, sinh viên đã góp vào Quỹ Việt Nam 10.000 Rupi. Các chiến dịch giúp đỡ Việt Nam đã diễn ra ở nhiều bang khác. Tháng 6-1970, tổng lãnh sự quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Đêli đã nhận được 23 thùng dụng cụ y tế, máu và nhiều món quà khác từ nhân dân Ấn Độ cho Việt Nam. Đại hội lần thứ 7 của Liên đoàn phụ nữ Ấn Độ (từ ngày 27 đến ngày 30-12-1970) đã quyết định gửi 10.000 m vải cho các bà mẹ và trẻ em Việt Nam. Đại hội cũng tuyên bố tháng 3-1971 là tháng đoàn kết với nhân dân Việt Nam. Từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, khi miền Bắc bị đánh phá lần 2, các cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã lên án mạnh mẽ hành động dã man và vô nhân đạo của Mỹ chống nhân dân Việt Nam, bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn nhân dân Việt Nam. Yêu cầu của nhân dân Ấn Độ đó là: ký ngay Hiệp định Pari; chấm dứt việc ném bom dã man đối với miền Bắc Việt Nam; rút quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam; công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết các lực lượng dân chủ Ấn Độ đã tiếp tục tổ chức quyên góp các phương tiện và vật liệu xây dựng để giúp Việt Nam khôi phục nền kinh tế bị tàn phá

7. Nguyễn Thị Bình và tập thể tác giả (Hồi ức): *Mặt trận Dân tộc giải phóng-Chính phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị Pari về Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 54.